

Phụ Chú Giải Tạng Luật – Hai Mẫu Đề – Phẩm Các Giới Không Xác Định

Aniyatakaṇḍo

Phẩm Bất Định

1. Paṭhamānīyatasikkhāpadavaṇṇanā

1. Giải Thích Điều Học Bất Định Thứ Nhất

Aniyatuddese **ime kho panātiādi** vuttanayameva. **Mātugāmenā** ti tadahujātāyapi jīvamānakamanussitthiyā. **Eko ekāyāti** eko bhikkhu mātugāmasaṅkhātāya ekāya itthiyā saddhiṃ. **Rahoti** cakkhusa raho. Kiñcāpi pāḷiyaṃ (pārā. 445) sotassa raho āgato, cakkhusseva pana raho “raho”ti idha adhippeto. Sacepi hi pihitakavāṭassa gabbhassa dvāre nisinno viññū puriso hoti, neva anāpattiṃ karoti. Yattha pana sakkā daṭṭhuṃ, tādise antodvādasahatthehi okāse nisinno sacakkhuko vikkhittacittopi niddāyantopi anāpattiṃ karoti, samīpe ṭhitopi andho na karoti, cakkhumāpi nipajjitvā niddāyantopi na karoti, itthīnaṃ pana satampi na karotiyeva, tena vuttaṃ “rahoti cakkhusa raho”ti. **Paṭicchanne āsaneti** kuṭṭādīhi paṭicchannokāse. **Alaṃkammaniyeti** kammakkhamam kammayogganti kammaniyam, alaṃ pariyattam kammaniyabhāvāyāti alaṃkammaniyam, tasmīṃ alaṃkammaniye. Yattha ajjhācāram karontā sakkonti tam kammaṃ kātuṃ, tādise ti attho. **Nisajjam kappeyyāti** nisajjam kareyya, nisīdeyyāti attho. Ettha ca sayanampi nisajjāya eva saṅgahitam. **Saddheyyavacasāti** saddhātabbavacanā, ariyasāvikāti attho. **Nisajjam bhikkhu paṭijānamānoti** kiñcāpi evarūpā upāsikā disvā vadati, atha kho bhikkhu nisajjam paṭijānamānova tiṇṇam dhammānam aññatarena kāretabbo, na appaṭijānamānoti attho. **Yena vā sāti** nisajjādīsu ākāresu yena vā ākārena saddhiṃ methunādīni āropetvā sā upāsikā vadeyya, paṭijānamānova tena so bhikkhu kāretabbo, evarūpāyapi hi upāsikāya vacanamattena ākārena na kāretabboti attho. Kasmā? Yasmā diṭṭham nāma tathāpi hoti, aññathāpīti. **Ayam dhammo aniyatoti** tiṇṇam āpattīnam yaṃ āpattiṃ vā vatthuṃ vā paṭijānāti, tassa vasena kāretabbatāya aniyato.

Trong phần tóm lược về các pháp Bất Định, câu bắt đầu bằng **‘Này, lại nữa...’** có phương pháp đã được nói đến. **‘Với người nữ’** có nghĩa là với người nữ nhân loại đang còn sống, cho dầu là người mới sanh trong ngày ấy. **‘Một mình với một mình’** có nghĩa là một vị Tỳ-khưu với một người nữ được gọi là người nữ. **‘Nơi kín đáo’** là nơi kín đối với mắt. Mặc dù ở trong Pāḷi (pārā. 445) có đề cập đến nơi kín đáo đối với tai, nhưng ở đây, chỉ có nơi kín đáo đối với mắt mới được xem là ‘nơi kín đáo.’ Thật vậy, nếu có người đàn ông có trí ngồi ở cửa của căn phòng đã được đóng cửa, vị ấy không làm cho không phạm tội. Tuy nhiên, ở nơi có thể nhìn thấy, trong khoảng không gian thậm chí bên trong mười hai hắc-thủ, người có mắt ngồi, dù tâm bị phân tán hay đang ngủ, cũng làm cho không phạm tội; người mù đứng gần cũng không làm cho (không phạm tội); người có mắt nằm xuống và

đang ngủ cũng không làm cho (không phạm tội); nhưng đối với một trăm người nữ thì không làm cho (không phạm tội) được. Do đó, đã được nói rằng: “Nơi kín đáo là nơi kín đối với mắt.” **‘Chỗ ngồi được che khuất’** là nơi được che khuất bởi vách tường, v.v... **‘Thích hợp cho việc hành dâm’** có nghĩa là có thể thực hiện được, thích hợp cho việc làm; do đó là ‘thích hợp cho việc hành dâm.’ ‘Thích hợp cho việc hành dâm’ có nghĩa là đủ, trọn vẹn để có thể hành dâm. Có nghĩa là, nơi mà những người thực hiện việc xấu có thể làm được việc ấy. **‘Ngồi xuống’** có nghĩa là thực hiện việc ngồi, tức là ngồi. Và ở đây, việc nằm cũng được bao gồm trong việc ngồi. **‘Lời nói đáng tin cậy’** có nghĩa là lời nói có thể tin được, tức là của nữ Thánh đệ tử. **‘Vị Tỳ-khưu thú nhận việc ngồi chung’** có nghĩa là mặc dù một nữ cận sự như vậy sau khi thấy đã nói ra, nhưng vị Tỳ-khưu chỉ khi thú nhận việc ngồi chung mới bị xử trị theo một trong ba pháp, chứ không phải khi không thú nhận. **‘Hoặc theo cách nào mà người nữ ấy’** có nghĩa là, trong các trường hợp như ngồi chung, v.v..., vị Tỳ-khưu đó chỉ bị xử trị theo cách mà người nữ cận sự kia đã cáo buộc, sau khi vị ấy thú nhận, chứ không phải chỉ bằng lời nói của một nữ cận sự như vậy mà bị xử trị. Tại sao? Bởi vì điều được thấy có thể là như vậy, cũng có thể là khác đi. **‘Pháp này là Bất Định’** có nghĩa là trong ba tội, tội nào hoặc sự việc nào được thú nhận, thì theo đó mà bị xử trị nên gọi là Bất Định.

Sāvatthiyaṃ udāyittheraṃ ārabha mātugāmena saddhiṃ vuttappakāre āsane nisajjakappanavatthusmiṃ paññattaṃ, asādhāraṇapaññatti, anāṇattikaṃ, methunadhammasannissitakilesasaṅkhātena rahassādena mātugāmassa santikaṃ gantukāmatāya akkhiañjanādito paṭṭhāya sabbapayogesu dukkaṭaṃ. Gantvā tasmiṃ vā nisinne itthī nisīdatu, tassā vā nisinnāya so nisīdatu, apacchā apurimaṃyeva ubho vā nisīdantu, ubhinnaṃ nisajjāya pācittiyaṃ. Sace pana kāyasamsaggaṃ vā methunaṃ vā samāpajjati, tesam vasena kāretabbo. Nipajjanepi eseva nayo. Vuttappakāre purise nipajjitvā aniddāyante anandhe viññupurise upacāragate sati, tṭhitassa, arahopekkhassa, aññavihitassa ca nisajjanapaccayā anāpatti. Ummattakādīnaṃ pana tīhipi āpattīhi anāpatti. Siyā sīlavipatti, siyā ācāravipatti. Yaṃ pana āpattiṃ paṭijānāti, tassā vasena aṅgabhedo ñātabbo. Samuṭṭhānādīni paṭhamapārājikasadisānevāti.

Được chế định ở Sāvatthī, liên quan đến trưởng lão Udāyi, trong sự việc ngồi xuống tại chỗ ngồi đã được nói đến cùng với người nữ; là điều chế định không chung, không do mệnh lệnh. Do ý muốn đi đến gần người nữ với sự thích thú nơi kín đáo được xem là phiền não liên quan đến pháp hành dâm, trong tất cả các nỗ lực, kể từ việc tô mắt, v.v..., (phạm tội) Tác Ác. Sau khi đi đến, người nữ ngồi xuống nơi vị ấy đang ngồi, hoặc vị ấy ngồi xuống nơi người nữ đang ngồi, hoặc cả hai cùng ngồi xuống không trước không sau, thì do việc ngồi của cả hai, (phạm tội) Ưng Đối Trị. Tuy nhiên, nếu phạm vào việc thân thể giao tiếp hoặc hành dâm, thì bị xử trị theo những tội ấy. Trong trường hợp nằm xuống, phương pháp cũng như vậy. Khi có người đàn ông có trí, không mù, không ngủ, nằm xuống ở trong tầm gần theo cách đã nói, thì không phạm tội do nhân duyên ngồi xuống của người đang

đứng, người đang quan sát nơi không kín đáo, và người đang bận việc khác. Còn đối với người điên, v.v..., thì không phạm cả ba tội. Có thể là giới bị hư hoại, có thể là oai nghi bị hư hoại. Tuy nhiên, tội nào mà vị ấy thú nhận, thì theo đó sự phân chia các chi phần (của tội) cần được biết. Sự phát sanh, v.v..., tương tự như tội Bất Cộng Trụ thứ nhất.

Paṭhamānīyatasikkhāpadavaṇṇanā niṭṭhitā.

Giải Thích Điều Học Bất Định Thứ Nhất Chấm Dứt.

2. Dutiyānīyatasikkhāpadavaṇṇanā

2. Giải Thích Điều Học Bất Định Thứ Hai

Dutiye itthīpi purisopi yo koci viññū anandho abadhiro antodvādasahatthe okāse ṭhito vā nisinno vā vikkhittopi niddāyantopi anāpattiṃ karoti. Badhiro pana cakkhumāpi, andho vā abadhiropi na karoti. Pārājikāpattiñca parihāpetvā duṭṭhullavācāpatti vuttāti ayaṃ viseso. Sesaṃ purimanayeneva veditabbaṃ. Samuṭṭhānādīni panettha adinnādānasadisānevāti.

Trong điều thứ hai, bất cứ người nào, dù là nữ hay nam, có trí, không mù, không điếc, đứng hoặc ngồi trong khoảng không gian bên trong mười hai hắc-thủ, dù tâm bị phân tán hay đang ngủ, cũng làm cho không phạm tội. Tuy nhiên, người điếc dù có mắt, hoặc người mù dù không điếc, thì không làm cho (không phạm tội). Đây là điểm đặc biệt: đã nói đến tội nói lời thô tục, ngoại trừ tội Bất Cộng Trụ. Phần còn lại nên được hiểu theo phương pháp trước. Sự phát sanh, v.v..., ở đây tương tự như tội trộm cắp.

Dutiyānīyatasikkhāpadavaṇṇanā niṭṭhitā.

Giải Thích Điều Học Bất Định Thứ Hai Chấm Dứt.

Uddiṭṭhā khotiādi sabbattha vuttanayeneva veditabbaṃ.

Câu bắt đầu bằng ‘Này, đã được tuyên đọc...’ ở khắp mọi nơi nên được hiểu theo phương pháp đã được nói đến.

Kaṅkhāvitaraṇiṃ pātimokkhavaṇṇanāya

Trong quyển Chú Giải Giới Bốn Kaṅkhāvitaraṇi

Aniyatavaṇṇanā niṭṭhitā.

Phần Giải Thích Về Các Pháp Bất Định Chấm Dứt.